

PHẨM BỒ TÁT

Trước lại phân đại khoa, có hai. “Hai thứ này...” là nói chung về ý có phẩm này. “Bồ-tát...” là riêng giải thích hai phẩm, ngài Tịnh Danh tay nâng đại chúng đồng vào Am viên về chỗ Phật, có hai: a) giải thích đề. b) “tự thử...” là giải thích, hai ý phân kinh. Bởi Đại sư đã phân văn khác lúc, nên ngài Chương An phải sao lục đủ. “Xưa là...” là tùy văn giải nghĩa. Tiếp theo thì kinh khoa đã ở văn sơ không cần chép kỹ. Dùng thất nhật trước làm phương tiện, tức là bảy phương tiện của Tiểu thừa. Ngũ đình hợp một, chung riêng niệm làm hai, cùng bốn thiện căn nữa thành bảy. Bốn xứ luận nêu là Thánh ba phàm một vậy. Cho nên nói thất nhật là nêu. Ngài Kinh Khê nói: Dùng sự trước mà giải văn thất nhật, đó là phương tiện trước trong lý giải. Nếu nhập phát tâm, chính là chỉ Phương đẳng khởi mộ đại tâm, làm phương tiện đến Pháp Hoa thì nhập vị. Trở về tông nói nhân quả Phật quốc, có hai: a, huyền đàm nghĩa chỉ, có hai: a, chung nêu hai chương đối trên năm ý. Hai ý trong năm lớp, đối trước giải thích đề trong năm ý, đây là hai ý một và hai: ý một nói Đại sĩ giúp Phật mở mang việc hóa độ đã xong, cần phải trở về chỗ Phật, ý hai nói Phật khi xưa nói nhân quả Phật quốc. Đại sĩ giúp tuyên dương nghĩa này, thì cần phải trở về chỗ Phật để phục tông mà nói nghĩa. “Thượng khai...” là khoa đối Phật quốc để hiển bày phục tông. Trên khai tông tức là phẩm Phật Quốc. Thuyết văn nói: Khai là mở lớn. Quảng Nhã nói: Tông là gốc. Phẩm đầu mở tông gốc Phật quốc, nói nghĩa chỉ tịnh độ, nên nói là khai tông. Phục tông ở đây là trong các phẩm luận riêng các pháp khác để hiển bày Phật quốc coi là đã xong liền trở về chỗ Phật. Phục là trở về gốc đã nói nghĩa Phật quốc. Cho nên khiến văn khúc chiết phù hợp với trên. “Thượng quả ...” là tùy văn giải nghĩa, nói cõi Phật không đồng khởi căn mỗi thứ đều khác, có hai: a, phối trên nói chung, có hai: a’, nêu trước nói đồng, nói bốn nghĩa phù hợp đồng. “lương do...” là nêu ý không thứ lớp. Trong văn trước nêu ý kế so sánh loại mà hiển bày. Tên khác nghĩa đồng là ba đời Chu có tên khác. Khai quyền nghĩa đồng giống như bốn đoạn nay tên khác mà cùng nghĩa Phật quốc. Ba mươi sáu câu hỏi, tức trong phẩm Trường Thọ xưa ngài Ca-diếp và đồng tử hỏi nhau. Xưa nay phân hỏi khai hợp không đồng, hoặc ba mươi, ba mươi hai, ba mươi bốn, ba mươi sáu... không đồng. Tức hỏi rằng: Làm sao được trường thọ... nghĩa cần ở chỗ đối ứng, danh tự không đồng. Phật dùng mười hai phẩm để đáp ba mươi sáu câu hỏi, có danh nghĩa chủ đối nhau, thì dùng phẩm Trường Thọ mà đáp lời hỏi làm

sao được trường thọ. Phẩm Kim Cang Thân mà đáp lời hỏi về thân kim cang bất hoại... lại có một phẩm mà đáp nhiều câu hỏi đó là do danh tự không đồng. Ý nghĩa nếu đúng... chỉ lấy cho ý hỏi mà hợp, không trách tên khác. Trong đây...” là kết nêu lệ lấy bốn đoạn nay đối khai tông trên, tuy không thứ lớp mà đồng hiển nghĩa Phật quốc. “Kim đệ...” là ước nay chánh đối. “Thử trung...” là tùy văn giải thích riêng, có bốn: a, giải thích phần thứ bốn thân pháp nào khởi căn, chánh giải thích, có ba: a”, nêu ý giải thích chung, nói đủ pháp sáu trần đều có thể khởi căn, chung nêu căn trần. “Nếu tỳ...” là đối tiểu hiển đại, Tiểu thừa nói nhãn sắc dụng kém. b, Đại thừa nói nhãn sắc gồm chung. Ngài Kinh Khê nói: Há có thể đem Tỳ-đàm này để vấn nạn Pháp Hoa. Tin biết chỉ là giáo bất liễu nhất định không thể nương. Lại sư Tỳ-đàm nay nếu nghe lời nói này há không vỗ tay ư? “Cố đại ...” là dẫn chứng kết thành, dẫn chứng sáu căn. Phải biết...” là kết thành cụ pháp. “ Nay sắp...” là các quốc độ từ hơn đều dùng một trần, có hai: a) chánh nói từ hơn. b) “Như đây...” là nêu lệ khác. “Quang minh...” là nêu văn giải thích riêng. Sao chỉ cõi nước khác... ngài Kinh Khê nói: Cõi này còn có ánh sáng là sự, hưởng là các cõi khác chánh dùng ánh sáng. Như kinh Tư Ích. Kinh ấy nói: Lại Như Lai phóng ánh sáng tên năng xả. Phật dùng ánh sáng này hay phá tâm xan tham của chúng sinh, hay khiến họ bố thí. Lại ánh sáng tên vô nhiệt hay gia bị tâm phá giới, khiến họ trì giữ cấm giới. Lại ánh sáng tên an hòa phá tâm giận dữ, khiến họ tu nhẫn nhục. Lại ánh sáng tên cần tu, hay phá tâm lười biếng khiến họ tinh tấn. Lại ánh sáng tên nhất tâm, hay phá tâm vọng niệm, khiến tu thiền định. Lại ánh sáng tên năng giải, hay phá tâm ngu si, khiến hành trí tuệ rộng lớn. Như câu đầu. Lại phóng bốn oai nghi, tất cả pháp quang cũng như thế. Trong Tiểu thừa hoặc nói ánh sáng đến chạm vào. Ngài Kinh Khê nói: phóng đến rồi mới chạm. Không đến chạm, nghĩa là không đến không chạm. Dầu có đến “mà không chạm” cũng không có lợi gì. Như Phật Tu-phiến-đa... Đại luận nói: Đức Phật này sáng thành đạo chiều nhập diệt, nên phải để lại hóa Phật để độ chúng sinh. Bốn đại Bồ-tát đến công đức, là Bồ-tát Pháp Tuệ ở trời Đao-lợi nói thập trụ, Bồ-tát Công Đức Lâm ở cung trời Dạ-ma nói thập hạnh, ngài Kim Cang Tràng ở trời Đâu-suất nói thập hưởng, ngài Kim Cang Tạng ở trời Tha-hóa nói Thập địa. Không thể phán quyết nhất định sao ở hóa nhân? Nghĩa là nói Bồ-tát làm Phật sự không thể nhất định làm hóa Bồ-tát nêu giải thích. Vì bốn vị Bồ-tát trong Hoa Nghiêm là thật, không phải hóa, cũng là dùng Bồ-tát để làm Phật sự. Cho nên thuộc trở đi, tuy hóa thật không đồng nhưng đều thuộc

khởi căn. Ở cõi này cũng ngồi cõi Bồ-đề mà đắc đạo. Đây vốn là dưới cõi cây Ni-câu-luật-đà mà được Bồ-đề, nên nhân lấy đó làm tên. Trí luận nói dưới cõi cây suy nghĩ như Phật sinh dưới cây vô ưu, thành đạo dưới cõi cây Bồ-đề, chuyển pháp luân ở cây kiết tường, nhập diệt dưới cây ta-la. Hành giả tùy pháp chư Phật thường ở dưới cõi cây. Hoặc hiện thân thường, tức là thân tượng sáu, là thân thường hiện. Cho nên Đại luận quyển bốn mươi bốn có nói: Đức Thích-ca Văn Phật thường có ánh sáng dài một trượng... mộng huyền mười dụ..., kinh văn chỉ có bảy mà không có ba thứ thành, hóa, không. Ngài Kinh Khê nói: Huống lại mười dụ, vốn dụ về không. Đây cũng không là Phật sự mà thôi. Bồ-tát được hữu, là đối không thì thấy chẳng Không. Lấy mười dụ làm tướng lừa dối. Tiêm sư nói quang thống lấy bốn tông mà phán giáo:

1. Nhân duyên tông chỉ sáu nhân bốn duyên của Tỳ-đàm.
2. Giả danh tông nói ba giả của Thành luận.
3. Cuống tướng tông nói ba luận Đại phẩm.

4. Thường tông nói về thường trụ Phật tánh, vốn là rỗng sáng của Niết-bàn Hoa Nghiêm... nếu Phật không thị hiện đến năng tri, là văn của Đại luận. Côn trùng, Lễ ký nói côn trùng chưa thành sâu không dùng ruộng lửa. Trịnh Huyền nói: Côn là sáng. Trùng sáng được khí dương thì sinh, được khí âm thì ẩn nấp, nên nói côn trùng. “ Nói rộng ...” là chỉ rộng mà kết tóm. Ngang đây là kết chung. Giải thích thứ ba trên nói nhập Phật tuệ, có hai: a, phân khoa nêu chung. b, “chỉ các ...” là tùy văn chánh giải thích, thiện môn. Và ác môn. Nữ nhân hiện bày tham dục, cự kinh quyển bốn mươi hai có nói: Ngài Thiện Tài Đồng tử đến nước Hiểm nạn, tại thành Đại trang nghiêm, nơi ở của Bà-tu-mật có nhiều người nữ, bạch rằng: Tôi đã phát tâm Bồ-đề chưa biết như thế nào để học hạnh Bồ-tát, tu đạo Bồ-tát? Đáp rằng: Ta đã hoàn thành được pháp môn ly tham dục thật tế. Cho nên trời thấy ta là Thiên nữ, người thấy ta là người nữ, cho đến phi nhân thấy ta là phi nhân nữ. Nếu bị tham dục trói buộc mà đến tận chỗ ta, thì ta vì họ mà nói pháp, khiến họ đều lìa dục mà được vô trước cảnh giới Tam-muội. Ai nhìn thấy ta thì được hoan hỷ Tam-muội, ai cùng nói chuyện với ta thì được vô ngại diệu âm Tam-muội, ai nắm tay ta thì được Nghệ nhất thiết Phật sát Tam-muội... Phàm phu bị đây mà đọa lạc, ngài Kinh Khê nói: Nói chung phần nhiều là tướng người đời, há cùng với Tu-mật mà khiến người phải đọa ư? Rất hiếm được lợi ích này. Vua Mãn Túc, kinh mới gọi là vua Vô Yểm Túc. Cự kinh quyển bốn mươi một nói: Ngài Thiện Tài đến thành Mãn tràng, chỗ vua Mãn Túc, thấy có vô lượng chúng sinh phạm luật vua,

bị trói chặt năm phần thân thể, hoặc bị chặt tay chân, theo tai mũi cho đến dùng lửa đốt. Ngài Thiện Tài hoài nghi. Trên hư không có tiếng chư Thiên bảo chớ nghi. Ngài liền đến chỗ vua bạch rằng: Tôi đã phát tâm Bồ-đề chưa biết làm sao để học hạnh Bồ-tát tu đạo Bồ-tát? Vua đáp: Ta đã thành tựu được Bồ-tát huyền hóa Tam-muội pháp môn. Chúng sinh mười ác rất khó giáo hóa, nên ta điều phục, khiến họ giải thoát. Cho nên hóa làm nhiều người và các thứ khổ trị, khiến họ bỏ mười ác mà phát tâm Bồ-đề. Nên biết thân, khẩu, ý của ta, cho đến loại kiến con mà còn chẳng có tâm hại huống là loài người? Thấy Bà-la-môn, cựu kinh quyển bốn mươi nói: Ngài thiện tài đến nước Tiên cầu, chỗ của Phương Tiện Mạng Bà-la-môn. Lúc đó Bà-la-môn tu các khổ hạnh để cầu Nhất thiết trí. Bốn mặt có đồng lửa to cao như núi lớn, trong có núi cao dao nhọn khôn cùng. Bà-la-môn đứng trên núi ấy tự gieo mình vào lửa. Thiện tài đến bạch rằng: Tôi đã phát tâm Bồ-đề, chưa biết làm sao để tu hạnh Bồ-tát, tu đạo Bồ-tát? Bà-la-môn đáp: Nếu ông có thể lên núi dao này mà gieo mình vào đồng lửa, thì các hạnh Bồ-tát đều thanh tịnh. Ngài Thiện Tài nghi ngờ, thì mười vạn Pháp vương ở trên không trung bảo chớ nghi! Lúc đó Thiện Tài liền lên núi dao tự gieo mình vào đồng lửa. Chưa đến nửa chừng, liền được Bồ-tát an trụ Tam-muội. Khi đến ngọn lửa lại được Bồ-tát Tịch tịnh an lạc chiếu minh Tam-muội. Tức kinh mới quyển sáu mươi bốn nói là Bà-la-môn Thắng Nhiệt ở xóm Y-sa-na vậy. “Đã thiện...” là kết bày hiển ý. “Giải thích thành...” là kết hiển ý kinh. Kết tóm tắt trước sau. Phẩm đầu mới nói tịnh quốc. Giải thích ý ấy, nêu ý phân khoa. Phương tiện đến chi độ, là phương tiện khúc xảo. Khúc xảo tùy duyên thị hiện ba cõi. Tùy duyên bất biến đồng một tịch quang, gương ảnh đồ đựng và cơm, ý dụ khá biết. Nay ở...” là tùy văn giải nghĩa, có bốn: ở hư không kết giải thích, ước Phật quốc. Văn dụ cùng đây đối giải thích, có hai: a, nêu dụ. b, đây nói...” là hợp pháp. “Nay đây...” là ước Phật quốc. Văn pháp cùng đây đối giải thích, nêu bốn phen trên. “tuy...” là ước độ chánh giải thích, ước sự lý nêu kinh. Nay bốn...” là nói tịch quang thể khắp. “Thị cố...” là kết thành ý nay. Lược nói thân trí. Vạn diên lượng, diên là do diên, cũng là do-tuần. Nói rộng thân trí, đối trước luận bày, căn cứ rộng hẹp đối nhau. b, căn cứ tư nghi và bất tư nghi đối nhau, nói hai đế đều khác. b, “hà dĩ...” là dẫn giải thích tương trạng: giải thích tương hai đế của tam tạng. “cực trí...” là giải thích tương hai đế của Viên giáo. “Nay mười...” là chánh giải thích văn kinh, căn cứ bất tư nghi mà nói đều đẳng. Trong văn nêu kinh nói giải thích tiểu không có thứ lớp. Đối kinh có thể thấy.

Nên dùng hai chữ đồng đẳng nghịch thông các câu. Trong văn đều dựa hai thân mà giải thích đẳng, vì chữ Phật đều có hai thân. Do đó các câu đồng tánh đẳng, tức giải thích chữ “chủng tánh” của văn kinh. Sát-lợi, Bà-la-môn, là chữ Phật hiện ra đời không ngoài hai tánh (dòng, giai cấp). Vì đời chuộng quyền thế nên phải sinh vào giòng Sát-đế-lợi. Như quả Đức Thích-ca. Nếu đời chuộng đức hạnh thì sinh vào dòng Bà-la-môn, như ngài Di-lặc.... Tánh pháp thân... Vì tánh thích có nghĩa chủng tánh, cũng là lấy sự biểu thị cho lý. Tập chủng đến diệu giác là quả do nhân quyết định, cho nên khắp nêu các tánh thẳng ứng thân hiện đến các chúng sinh. Thẳng ứng thân này tức báo tha thọ dụng vậy. “ thử chi...” là ước giải thích hỗ tương để kết nghĩa dụng. Ngài Kinh Khê nói: Thân trí này... có thể dùng độ để giải thích thân, có thể dùng thân để giải thích độ. Ước ba hiệu, phân khoa. b, tùy giải thích, có hai: a, chánh giải thích ba hiệu, Tam-miệu Tam-phật-đà, có hai: a”, căn cứ tư nghi, kể là bất tư nghi. Giải thích Đa-đà A-già-độ, cũng trước là tư nghi sau là bất tư nghi, đối lý chân như tức là thiên chân của tam tạng. Giải thích Phật-đà dựa vào hai giải thích trước. Sở văn từ tóm lược, ở trong bất tư nghi của khoa trước mà nói thôi. Giải thích trong việc xin pháp thì tùy việc tịnh loạn. Tịnh thì dùng văn như cõi nước ấy. Loạn thì dùng võ như cõi nước này. Quyền đạo có oai nghi, Đại luận quyển bốn mươi ba nói: Bồ-tát có hai thứ:

1. Bồ-tát có Từ bi thích nhiều vì chúng sinh.
2. Bồ-tát thích nhiều tập hợp các công đức.

Người thích nhiều tập hợp công đức thì đến nhất thừa thanh tịnh ở quốc độ của Vô Lượng Thọ. Người thích nhiều vì chúng sinh thì đến chỗ không có Phật pháp tăng. Tiếng tán thán Tam bảo khiến thành Bồ-tát ở cõi nước ấy tức là loại người thứ hai. Cho nên ở quyền đạo có nghi vậy.

Hỏi: Há có người không Từ bi mà gọi là Bồ-tát ư?

Đáp: Từ bi không khác đều là hóa độ chúng sinh, tâm mong cầu sớm tối có khác mà thôi. Cho nên Đại luận quyển bốn mươi lăm lại nói: Có người trước thành tựu công đức rồi sau mới hóa độ chúng sinh, có người trước thành tựu chúng sinh rồi sau mới tự thành công đức. Nay Bồ-tát ấy tức là người trước tự thành rồi sau mới độ sinh. Chỉ riêng đối cõi này thì Bồ-tát phải là người trước thành tựu chúng sinh vậy. Riêng ở cõi này có đủ hai hạng người, tức ba căn xuất giả là đó. Nay Bồ-tát ở cõi nước ấy thì phải là người chân xuất giả. Phật vì nói, có hai: a, đối trên phân khoa, có hai: a, đối Phật quốc trên. b, “Nay ...” là chánh

phân văn nay. “trung...” là tùy giải thích, có ba: a, nêu chung khuyến học. b, giải thích, có hai: a, lược giải thích. b, rộng giải thích, có ba: a, nói không hết hữu vi, có hai: a, nêu, có hai. b, giải thích, có ba: a’, Dựa theo câu nêu chung. “Nay nói...” là nêu trước bày nghĩa, có hai: a, Đại sư chánh giải thích, có hai: a, chánh nói hai nghĩa, có hai: a) ước trung đạo bày nghĩa. b) tục đế...” là ước hai đế giải thích tên hai. “Cho nên...” là đối trên giải thích thành, có hai: a, đối Phật quốc giải thích thành. b, “riêng hỏi...” là ngài Chương An giải thích riêng. Ý hỏi: Có chín trăm vạn Bồ-tát đã đến cõi này dùng hương để lợi vật, thì đã hay song lưu, vì sao mới hỏi. Ý đáp: Trong số các Bồ-tát đến cõi này có quyền có thật. Cho nên dùng quyền dẫn thật. Vì dẫn lợi tâm thật hạnh nên bày ra nghi ích vật. Cho nên khiến bậc Đại sĩ vô sinh quyền lập ra câu hỏi này. Vì thật tùy quyền, nên bậc sơ tâm thật hạnh kia chưa có dụng song lưu, mà do quyền thần thông nhiếp thuộc, nên vẫn hay tùy đến. “ Trong văn...” là tùy vấn nạn mà lược giải thích. Con đang mắc nạn là dụ cho chúng sinh đang ở trong sinh tử. Cha mẹ ở nhà như Bồ-tát ở trong thiền định, từ bi nghĩ nhớ chúng sinh, không lấy tịch tịnh làm vui, nên nói như trong địa ngục... là các điều khác có thể thấy. Kinh nói không khinh kẻ chưa học. Kính người học như Phật. Là chưa học thì sẽ học, do đó không khinh, kẻ đã học thì sẽ thành nên kính như Phật. Kinh nói: Thấy người đến tìm cầu thì nghĩ mình là thầy tốt. Vốn “không” có ý bố thí, nhân họ đến cầu xin, mới phát tâm bố thí, nên đối với mình là thầy, nên có ý nghĩa là thầy. Không trụ trong vô vi, kinh nói: Tu học không khởi, chẳng dùng không khởi mà làm chứng. Các pháp duyên nhau mà có, duyên tan thì không, thì có pháp nào sinh ra đợi duyên mà khởi đầu. Đây là biệt môn để quán không quán.

Giải thích lại, có hai: a, lia văn tự mà thông tông, có hai: a, đối Phật quốc mà hiển phục tông, có hai: a, đối trên giải thích thành, có hai: a) kẻ Phật quốc trước. b) nay...” là giải thích thành, có hai: a’, nói ba đoạn do nhau, lấy trước chưa hết hữu vi mà thành Phật quốc ngang, không trụ vô vi mà thành Phật quốc dọc. Lại hai đoạn nay mỗi thứ đều gồm ngang dọc, cho nên số không đối. Nay lại giải thích thành Phật quốc, kết giải thích ngang dọc. Nêu trước sau cùng luận. Đây nêu đoạn nay cùng hai khoa hồi hõ. “Nay nói...” là dẫn văn giải thích tóm lược, có hai: a) căn cứ song chiếu chánh giải thích. b) “nếu ba...” là căn cứ thân trí giải thích thành. “Căn cứ đây...” là ước quyền thật chỉ bày mà giải thích lại, có ba: a, ước bốn song mà chia văn. Biết bệnh hiểu bệnh. Biết chung gọi là biết “tri), luận tường tận gọi là hiểu (thức). “Theo đây ...”

là ước quyền thật mà rộng giải thích, có hai: a, chánh luận ba thứ quyền thật. Hoặc nói quyền là thật, ngài Kinh Khê nói: Tức là ba thứ chân của Tạng, Thông. Hoặc nói thật là quyền, tức gồm trung nhập chân vậy. Các thứ này đối viên đều gọi là hóa tha. Cho nên văn sau nói: Theo đây mà phán quyết tư nghi và bất tư nghi. Đây là Thông giáo và chân tục trong hai mươi tám. Hoặc ở trong quyền mà luận quyền thật. Vì nói quyền là thật, nên trong quyền có thật. Hoặc ở trong thật..., vì nói thật là quyền, nên trong thật có quyền. Hợp cơ cạn sâu, là hai giáo thì cạn, gồm trung thì sâu. “Căn cứ đây...” là rộng trải các đế giáo giải thích nghĩa, có hai: a, trải hai đế, có ba: a, nêu. b, “nếu là...” là giải thích, có ba: a, tự hành quyền thật. b, tự hành hóa tha, có ba: a’, cùng nêu. b’, hà cổ trở đi cùng giải thích, có hai: a, pháp cho nên nói ba người..., là văn của Đại phẩm. Vì trong ba thừa thì kẻ lợi căn thấy trung đạo, cho nên biết gồm trung ở chân. Nghĩa là nói chân đế, Di-lặc đã dùng kiến trung làm chân, thế thì luận thiên không chính là tục đế tức lập lại tục trong huyền có mà tức không. Cho nên khiến năm trăm vị nghe tục gọi là chân. Tuy không bày đến nghĩa ấy, nghĩa là Đại phẩm chỉ nói ba người đồng đoạn. Đại kinh chỉ nói gọi tục là chân mà rõ ràng có nghĩa trung đạo, đã như vừa giải thích. Nếu thông Biệt giáo, Viên giáo... ngài Kinh Khê nói: Biệt giáo có lúc thuộc hóa tha, có lúc cũng được xem là tự hành, có lúc cũng được gọi là tự tha. “Thấy không ...” là dụ. “Nhật nguyệt ...” là hợp dụ. “Nếu Bồ-tát...” là song kết.

Hóa tha quyền thật, có hai: a, nêu. b, “hà dĩ...” là giải thích, có hai: a, dựa vào dụ đá không mà giải thích tướng. b, “chỉ đây ...” là đối bất tư nghi mà luận khác. Do đó lại đối bất tư nghi mà luận tướng, vì hóa tha thuần dùng Tạng, Thông thì chỉ là tư nghi. Người lợi căn ở chân thông mà thấy lý trung, thì thành bất tư nghi. Nếu căn cứ lợi căn lại đồng tự hành, hóa tha quyền thật nghĩa đã cùng liên hệ nhau, nên cần luận tướng. Văn có hai: a, chánh nói tư nghi, có hai: a, lại nêu dụ trước, dần dần tiêu ma dụ cho tiệt, quặng hết vàng hiện dụ cho đốn. Tức là đoạn hết kiến tư thì nhận tiếp trung đạo, nên được tên đốn. “Tư nghi ...” là hợp dụ giải thích tướng. Trước chánh hợp dụ trước. Như tất cả ...” là lại lấy dụ mà làm sáng tỏ. Đây lấy hành nhân thể vật cạn sâu để dụ thì chỉ là một tư nghi. Người lợi căn thì đốn thấy trung đạo. Trong văn nói: Nói sinh diệt vô sinh thì đều lấy lời giải thể vật để dụ ngộ lý cạn sâu mà thôi, không phải là ước pháp. Người hạ trí thấy sum la là bốn đại, nếu tạng giáo chỉ thấy vô thường. Người trung trí thấy sum la là sinh diệt, nếu Nhị thừa của Thông giáo và đốn Bồ-tát chỉ thấy tức không. Nếu

sinh diệt đến chân đế. Đây là bậc thượng trí, thấy sum la là không, dụ cho người lợi căn, tức thấy trung đạo. Đã đối trung và hạ trí, tự động là thượng, nên không cần nói thượng. Đây há không phải là tiệm đốn, lấy dụ mà nói. Rõ ràng thấy trong tư nghi có nghĩa đốn. Đã có đốn thì cũng thuộc bất tư nghi. Nhưng chỉ ước Bồ-tát, đầu tiên hóa tha mà nói hai giáo, chỉ là do căn tư nghi mà đốn thấy. Cho nên khiến hai giáo chỉ là hóa tha quyền thật. “Mà giáo ...” là đã có lý thọ tiếp không được chẳng luận nên đây phải nói.

Đối luận bất tư nghi, ước dụ chánh nói. Như châu như ý. Châu dụ cho nhất tâm hay mưa các báu. Dụ nhất tâm tùy duyên khắp tạo mười giới. Châu tuy không báu nhưng đầy đủ tánh báu để dụ cho tâm tánh bốn cụ tánh trăm giới ba ngàn y chánh gọi là lý tạo không giả tùy duyên, vì lý thường tạo. Nên biết tạo này tức là tên khác của cụ. Rốt ráo đều không chỗ có. Tuy không chỗ có, mà có tánh báu. Nếu không tánh khác phải mưa báu đâu cần Ma-ni. Bất tư nghi ...” là hợp dụ. Mà hay chân tục đầy đủ, là không đáng hữu vô, hữu vô tự như thế. Vì sao, vì đều là thật tướng, pháp thật tướng nó như thế. Các pháp đầy đủ, pháp các pháp như thế. Tánh vốn vô sinh. Tất cả chân tục tức hai đế của ba giáo trước. Vì tất cả đều do mười giới gồm thâu. “Nếu căn cứ ...” là gửi nhờ “từ đây lạc mất mấy tờ, từ cuối phẩm Bồ-tát Hạnh đến giữa phẩm A-súc): Đáp chung, có hai: a, giải thích văn chung riêng, b, quán riêng. Tâm tánh mình đã là thật tướng. Thật tướng ấy là các pháp, các pháp tất mười như, mười như tất mười giới, mười giới tất là thân và độ. Thân phân giả thật nên có ba ngàn. Thế nên ba ngàn đồng ở tâm địa, cùng tâm địa của Phật ba ngàn không khác, bèn gọi là ba Không sai khác. Mới hiểu kinh nay quán thân thật tướng, cho nên nói tức là đó là đúng nghĩa vậy. Vả lại lý mê trung còn bằng diệu giác hướng là lý ngộ trung của Đẳng giác mà so với diệu giác Phật thì bằng Phật đạo. Nếu hiểu quán tâm hai thứ trước có thể được. Ví như người học bắn tên. Người mới học tức phải mong trúng đích. Từ thân sơ mới quán tâm tánh, tức cùng với Phật ngang nhau. Ngộ từ cạn sâu đây dùng Thủ-lăng Tam-muội mà dụ. Quyển thượng kinh ấy Phật bảo ý dạy. Ví như người học bắn, trước bắn đích lớn, kế mới bắn đích nhỏ, sau học bắn đích mới học bắn đầu gậy, cho đến học bắn một sợi lông, bắn lông rồi mới học bắn một phần trăm sợi lông. Bắn được như thế rồi mới gọi là thiện xạ. Văn kinh nói đầy đủ về việc muốn học Thủ-lăng-nghiêm, trước phải học ham thích đồng một pháp. Phải thứ lớp như mới học bắn đích. Nay ước không thứ lớp, tức từ mới bắn đích mà có gần xa. Trước gần sau xa để

dụ cho viên quán. “ Nếu chánh ...” là kết bày quán pháp. “ Sở dĩ ...” là đối câu hỏi mà hiển ý, nói nhân thân mà hiển bày độ. “ Tha ...” là chỉ bày quốc độ chân thật mình ở, giải thích khác. Giải thích nay, nói pháp thân có độ. b, “ cố kim ...” là dẫn kinh chứng thành. Đáp riêng, có hai: a, giải thích quán ba đời, chánh giải thích văn kinh. Như thấy có pháp vị lai... lời nói nay đã qua đi, pháp vị lai chưa đến, còn hiện tại đang có. Cho nên nói pháp vị lai có thể được... là hữu biên hay vô biên. Nêu phạm phu vọng chấp có quá khứ, đây tức là ngoại đạo vọng chấp cho rằng: Quá khứ có hữu biên vô biên, hiện tại có thường và vô thường. Vị lai như đi và chẳng như đi. Cho đến mỗi thứ đều thêm hai cũng và song phi. Ước ba đời năm ấm chung tạo thành sáu mươi, không lia đoạn thường tức là sáu mươi hai kiến. Đại luận, Đại kinh, số và phụ hành... các chỗ đều nói thế. Ý nay nói quá khứ thật có thì có thể đồng chấp với ngoại đạo. Nay đã vốn “không” thì chấp ấy sao phải. Dưới nói đời sau không đi, hiện tại không trụ, lẽ thì có thể biết. “ Giải thích khác ...” là đối xưa nêu nghĩa, có hai: a, căn cứ ở vị luận thường, có hai: a, kể xưa. b, nói nay. Nếu hiểu được ý nay thì mới thấu suốt ý chỉ hai chim cùng bay của Đại kinh. Văn có hai: a, nói kim cang trước tự hành nên thường. Kim là mới nay. Phạm phu đều thường hướng gì phần Thánh. Kim cang sau căn cứ hóa tha nên vô thường, nhưng căn cứ tự hành cũng có vô thường, vì nguyên phẩm vô minh chưa đoạn hết. Nay lại ở hóa tha mà nói. Bậc Diệu giác cực quả còn bày việc tám mươi vô thường, hướng phần thường mà không thị hiện ư? Bày ứng hóa khác nhau, có hai: a, xưa nói ứng hóa nghĩa đồng. b, nay nói ứng hóa khác thể. Giải thích chẳng quán sắc... như vừa chê trách Tu-bồ-đề. Phẩm Đệ Tử nói: Người thí cho ông không gọi là phước điền, người cúng dường cho ông phải đọa ba ác đạo. Như lời ủy dụ, tức kinh nói: Tu-bồ-đề lấy bát chớ sợ... trách thì cho rằng đại Thánh là tiểu, cho nên không phải phước điền. An ủi thì Thánh nhân Tiểu thừa là nội giới phước điền. Giải thích kệ ba đời rằng: Xưa không nay có, xưa có nay không. Ba đời có pháp Không có chỗ đó. Người xưa có nhiều giải thích, người nay chính nghĩa chỉ ước ba đế, tức chân mà tục là xưa không nay có. Tức tục mà chân là xưa có nay không. Tức biên mà trung là ba đời có pháp, không có chỗ đó. Lại tức một mà ba, tức ba mà một, ba một tức không phải ba một. Vì nêu bốn câu đại quan rõ ràng. Phật đối Đại kinh bốn lần tuyên nói. Cho nên khiến người xưa gọi bốn lần nói kệ. Nếu biết ba đế một tâm thì gom thành một kinh sao chỉ bốn lần nói mà xuyên suốt cả một đời, sao chỉ một kinh mà bao gồm cả mười phương, sao chỉ một đời giáo hóa mà

gồm cả ba đời. Sao chỉ ở hiện tại nhiều quyển mà quy về một, chỉ nói tự tâm. Tự tâm vốn “không”, thì các nghĩa làm sao có. Không chẳng lìa có các thuyết rất rõ ràng. Cho nên biết bốn phen nói kệ cũng lại tùy cơ chứng nghĩa làm phương tiện mà thôi.

Ngài Thân Tử hỏi ứng thân, có hai: a, nêu ý phân khoa. b, “Phân ngôn ...” là tùy văn giải nghĩa, như văn. Nói chỗ ở tại tịnh quốc, nêu ý phân khoa. Kinh A-ca-ni-tra hoặc nói Ni-tra, hoặc nói Ni-sa-tra, hoặc Ni-sư-tra đều là tiếng Phạm đọc nặng nhẹ mà thôi. Chính nói là A-ca-ni-sắc-sai, dịch là chất ngại, là Sắc cứu cánh.

Ngài Thân Tử khen ngợi, có hai: a, chánh giải thích văn kinh. b, “nếu y ...” là suy tìm nêu ý. Nếu dựa vào lời nói này, là sáu phen khen phước sâu sắc như phần lưu thông.
